Phụ lục 7
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẮT GIẢM THỜI GIAN GIẢI QUYẾT THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /9/2025 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
I	**LĨNH VỰC VĂN HOÁ**				
I.1.	**LĨNH VỰC DI SẢN VĂN HOÁ (16 thủ tục)**				
1.	1.003793	Cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
2.	2.001591	Cấp giấy phép khai quật khẩn cấp	03 ngày		
3.	2.001631	Đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	30 ngày làm việc (15 ngày làm việc để trả lời về thời hạn đăng ký và 15 ngày đăng ký	15 ngày làm việc	
4.	1.003838	Cho phép người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
5.	1.013801	Cho phép người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu, sưu tầm di sản tư liệu (địa phương)	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	
6.	2.001613	Xác nhận đủ điều kiện được cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
7.	1.003738	Cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	30 ngày	10 ngày	
8.	1.003646	Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp TP, ban hoặc trung tâm quản lý di tích	100 ngày (gồm 50 ngày địa phương + 50 ngày TW)	75 ngày (gồm 25 ngày địa phương + 50 ngày TW)	
9.	1.003835	Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật	100 ngày (gồm 50 ngày địa phương + 50 ngày TW)	75 ngày (gồm 25 ngày địa phương + 50 ngày TW)	
10.	1.001106	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
11.	1.001123	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật	5 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc.	
12.	1.001822	Cấp Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	5 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
13.	1.002003	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	5 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
14.	1.003901	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
15.	2.001641	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	5 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
16.	1.013456	Cấp phép nhập khẩu di vật, cổ vật không nhằm mục đích kinh doanh cấp	02 ngày làm việc		
I.2	**LĨNH VỰC ĐIỆN ẢNH (01 thủ tục)**				

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
17.	1.011454	Cấp giấy phép phân loại phim	15 ngày	7,5 ngày	
I.3.	**LĨNH VỰC MỸ THUẬT, NHIẾP ẢNH VÀ TRIỂN LÃM (13 thủ tục)**				
18.	1.001755	Cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
19.	1.001738	Cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
20.	1.001833	Tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật.	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
21.	1.001778	Cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
22.	1.001229	Cấp giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
23.	1.001211	Cấp giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
24.	1.001191	Cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
25.	1.001182	Cấp lại giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
26.	1.001147	Thông báo tổ chức triển lãm do tổ chức ở địa phương hoặc cá nhân tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
27.	1.001704	Cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
28.	1.001671	Cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
29.	1.001809	Cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
30.	2.001496	Phê duyệt nội dung tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
I.4.	**NGHỆ THUẬT BIỂU DIỄN (04 thủ tục)**				
31.	1.009398	Tổ chức cuộc thi, liên hoan trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp toàn quốc và quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
32.	1.009399	Tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
33.	1.009397	Tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
34.	1.009403	Ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
I.5.	**LĨNH VỰC VĂN HOÁ CƠ SỞ (11 thủ tục)**				
35.	1.003676	Đăng ký tổ chức lễ hội	17 ngày làm việc	07 ngày làm việc	
36.	1.003654	Thông báo tổ chức lễ hội	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
37.	1.004639	Cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày	05 ngày	
38.	1.004666	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày	05 ngày	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
39.	1.004662	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày	05 ngày	
40.	1.001029	Cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
41.	1.001008	Cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
42.	1.000963	Cấp giấy phép điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
43.	1.000922	Cấp giấy phép điều chỉnh giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
44.	1.004650	Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	5 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
45.	1.004645	Thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	15 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
I.6.	**HOẠT ĐỘNG MUA BÁN HÀNG HOÁ QUỐC TẾ CHUYÊN NGÀNH VĂN HOÁ (03 thủ tục)**				
46.	1.003784	Thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm (trừ di vật, cổ vật) không nhằm mục đích kinh doanh cấp TP	02 ngày làm việc		
47.	1.003743	Kiểm tra chuyên ngành văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh trước khi xuất khẩu cấp TP	12 ngày	06 ngày	
48.	1.003560	Xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
I.7	**THI ĐUA, KHEN THƯỞNG (06 thủ tục)**				
49.	1.001032	Xét tặng danh hiệu Nghệ nhân nhân dân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	10 ngày làm việc (*tổng thời gian theo quy định: 90 ngày*	05 ngày làm việc	Thực hiện cắt giảm thời gian

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
			làm việc)		giải quyết thuộc thẩm quyền
50.	1.000971	Xét tặng danh hiệu Nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể	10 ngày làm việc (*tổng thời gian theo quy định: 90 ngày làm việc)*	05 ngày làm việc	
51.	1.001376	Xét tặng danh hiệu " Nghệ sĩ nhân dân"	20 ngày làm việc (*tổng thời gian theo quy định: 85 ngày làm việc*	10 ngày làm việc	
52.	1.001108	Xét tặng danh hiệu Nghệ sĩ ưu tú	20 ngày làm việc (*tổng thời gian theo quy định: 85 ngày làm việc*	10 ngày làm việc	
53.	1.000871	Xét tặng " Giải thưởng Hồ Chí Minh" về văn học, nghệ thuật	20 ngày làm việc *(tổng thời gian theo quy định: 80 ngày làm việc)*	10 ngày làm việc	
54.	1.000564	Xét tặng " Giải thưởng Nhà nước" về văn học nghệ thuật	20 ngày làm việc *(tổng thời gian theo quy định: 80 ngày làm việc*	10 ngày làm việc	
I.8	**LĨNH VỰC GIA ĐÌNH (03 thủ tục)**				
55.	1.012080	Cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
56.	1.012081	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
57.	1.012082	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
I.9	**LĨNH VỰC HỢP TÁC QUỐC TẾ (03 thủ tục)**				
58.	1.006412	Cấp giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	15 ngày làm việc	7,5 ngày làm việc	
59.	1.001082	cấp lại Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam.	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
60.	1.001091	Gia hạn Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
II.	**LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO (35 thủ tục)**				
61.	1.001782	Đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của TP, thành phố trực thuộc Trung ương	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
62.	1.002022	Đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức	10 ngày	05 ngày	
63.	1.002013	Đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao TP, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức	10 ngày	05 ngày	
64.	1.002445	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
65.	1.002396	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
66.	1.003441	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
67.	1.000983	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
68.	1.000953	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
69.	1.000936	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf.	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
70.	1.000920	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
71.	1.001195	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
72.	1.000904	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
73.	1.000883	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, lặn	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
74.	1.000863	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billiards & Snooker	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
75.	1.000847	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
76.	1.000830	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Diều bay	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
77.	1.000814	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn khiêu vũ thể thao	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
78.	1.000644	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn thể dục thẩm mỹ	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
79.	1.000842	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
80.	1.005163	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
81.	2.002188	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
82.	1.000594	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Vũ đạo giải trí	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
83.	1.000560	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
84.	1.000544	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn võ cổ truyền và vovinam	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
85.	1.001213	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
86.	1.000518	cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
87.	1.000501	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
88.	1.000485	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
89.	1.005357	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí.	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
90.	1.001801	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
91.	1.001500	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng ném	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
92.	1.005162	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu.	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
93.	1.001517	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
94.	1.001527	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
95.	1.001056	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
III.	**LĨNH VỰC DU LỊCH**				
III.1	**LĨNH VỰC DU LỊCH - LỮ HÀNH (19 thủ tục)**				
96.	1.004528	Công nhận điểm du lịch	30 ngày	15 ngày	
97.	1.003490	công nhận Khu du lịch cấp TP	60 ngày	30 ngày	
98.	2.001628	Cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	10 ngày	05 ngày	
99.	2.001616	Cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
100.	2.001622	Cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
101.	2.001611	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành	05 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
102.	2.001589	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể	05 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
103.	1.003742	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản	05 ngày làm việc	02 ngày làm việc	
104.	1.001837	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
105.	1.004605	Cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế	10 ngày	05 ngày	
106.	1.003717	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
107.	1.003240	cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
108.	1.003275	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
109.	1.003002	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
110.	1.001440	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	10 ngày	05 ngày	
111.	1.004628	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	15 ngày	7,5 ngày	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
112.	1.004623	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	15 ngày	7,5 ngày	
113.	1.001432	Cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	10 ngày	05 ngày	
114.	1.004614	Cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	10 ngày	05 ngày	
III.2	**LĨNH VỰC DỊCH VỤ DU LỊCH KHÁC (06 thủ tục)**				
115.	1.004551	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20 ngày	10 ngày	
116.	1.004503	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20 ngày	10 ngày	
117.	1.001455	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20 ngày	10 ngày	
118.	1.004580	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20 ngày	10 ngày	
119.	1.004572	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	20 ngày	10 ngày	
120.	1.004594	Công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch	30 ngày	15 ngày	
IV.	**LĨNH VỰC PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ (16 thủ tục)**				
121.	2.002772	Cấp giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
122.	2.002773	Sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
123.	2.002774	Cấp lại Giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
124.	2.001765	Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	12 ngày làm việc	06 ngày làm việc	
125.	1.003384	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	08 ngày làm việc	04 ngày làm việc	
126.	2.001098	Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
127.	1.005452	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
128.	2.001091	Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
129.	2.001087	Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
130.	1.002001	Cấp giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	15 ngày	7,5 ngày	
131.	1.001976	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
132.	2.002738	Gia hạn giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
133.	1.001988	Cấp lại Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
134.	1.004508	Cấp giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	10 ngày	05 ngày	
135.	2.002739	Sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
136.	2.002740	Cấp lại giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
V.	**LĨNH VỰC BÁO CHÍ (14 thủ tục)**				
137.	2.001173	Cho phép họp báo (nước ngoài)	02 ngày làm việc		
138.	1.013781	Chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép hoạt động báo chí đối với cơ quan báo chí của địa phương	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
139.	1.013782	Cấp giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm đối với cơ quan báo chí của địa phương	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
140.	1.013783	Cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm đối với cơ quan báo chí của địa phương	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
141.	1.013784	Chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí đối với cơ quan báo chí của địa phương	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
142.	1.013785	Cấp giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
143.	1.013786	Cấp giấy phép sửa đổi, bổ sung những nội dung giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
144.	1.013787	Chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
145.	1.013788	Cấp giấy phép xuất bản đặc san đối với các cơ quan, tổ chức ở địa phương	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
146.	1.013789	Chấp thuận thay đổi nội dung trong giấy phép xuất bản đặc san đối với các cơ quan, tổ chức ở địa phương	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
147.	1.013790	Tiếp nhận đăng ký danh mục báo chí nhập khẩu	Không quy định	07 ngày làm việc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
148.	1.009374	Cấp giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	20 ngày	10 ngày	
149.	1.009386	Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (địa phương)	15 ngày	7,5 ngày	
150.	2.001171	Cho phép họp báo (trong nước)	01 ngày làm việc		
VI.	**LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH (17 thủ tục)**				
151.	1.013698	Cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
152.	1.013699	Cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
153.	1.013700	Gia hạn giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
154.	1.013701	Điều chỉnh, bổ sung thông tin trong giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
155.	1.003868	Cấp Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
156.	1.003114	cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
157.	1.008201	Cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
158.	1.003483	Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
159.	2.001594	Cấp Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	15 ngày	7,5 ngày	
160.	2.001584	Cấp lại Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		Ghi chú
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
161.	1.003729	Cấp đổi Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	05 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
162.	2.001564	Cấp Giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài	10 ngày	05 ngày	
163.	1.004153	Cấp Giấy phép hoạt động in	15 ngày	7,5 ngày	
164.	2.001744	Cấp lại Giấy phép hoạt động in	07 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	
165.	2.001740	Xác nhận đăng ký hoạt động cơ sở in	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
166.	2.001737	Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in	03 ngày làm việc	1,5 ngày làm việc	
167.	1.003725	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh	15 ngày	7,5 ngày	
VII.	**LĨNH VỰC THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI (01 thủ tục)**				
168.	1.003888	Trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài (địa phương)	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		GHI CHÚ
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
I.	**LĨNH VỰC VĂN HOÁ (02 thủ tục)**				
1.	1.013791	Tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	15 ngày làm việc	05 ngày làm việc	
2.	1.003622	Thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	15 ngày	05 ngày	
II.	**LĨNH VỰC PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ (04 thủ tục)**				

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết		GHI CHÚ
			Theo quy định	Sau cắt giảm	
3.	1.013792	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	15 ngày	7,5 ngày	
4.	1.013793	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	5 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
5.	1.013794	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	5 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
6.	1.013795	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	5 ngày làm việc	2,5 ngày làm việc	
III.	**LĨNH VỰC GIA ĐÌNH (02 thủ tục)**				
7.	1.012084	Cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	12 giờ kể từ khi nhận được đề nghị		
8.	1.012085	Hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc	12 giờ kể từ khi nhận được đề nghị		
IV.	**LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO (01 thủ tục)**				
9.	2.000794	Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	7 ngày làm việc	3,5 ngày làm việc	